

## 1. MỤC TIÊU

### 1.1. Kiến thức. Học sinh ôn tập các kiến thức về:

- Cấu trúc tế bào : tế bào nhân sơ, tế bào nhân thực
- Trao đổi chất qua màng tế bào
- Truyền tin tế bào

### 1.2. Kỹ năng: Học sinh rèn luyện các kỹ năng:

- Làm bài trắc nghiệm
- Vận dụng kiến thức để giải thích các hiện tượng liên quan thực tiễn.
- Rèn luyện tư duy, kỹ năng quan sát, suy luận và so sánh.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1 Bảng năng lực và cấp độ tư duy

TT	Nội dung kiến thức	Cấp độ tư duy								
		Phần I (18 câu hỏi TN)			Phần II (4 câu hỏi Đ/S)			Phần III (3 câu tự luận ngắn)		
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Tế bào nhân sơ	2	1		1	1	2	1		
2	Tế bào nhân thực	5	2			2	4			
3	Trao đổi chất qua màng tế bào	3	1	1		1	2			1
4	Truyền tin tế bào	2	1			1	2	1		
Tổng		12	5	1	1	5	10	2		1
Điểm tối đa		4,5			4,0			1,5		

### 2.2. Câu hỏi minh họa.

#### PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Thành tế bào vi khuẩn được cấu tạo chủ yếu từ

- A. cellulose.      B. chitin.      C. peptidoglycan.      D. carbohydrate.

**Câu 2.** Người ta dựa vào cấu trúc nào để chia vi khuẩn thành hai loại Gr<sup>+</sup> và Gr<sup>-</sup> ?

- A. Màng tế bào.      B. Tế bào chất.      C. Vùng nhân.      D. Thành tế bào.

**Câu 3.** Nơi diễn ra các phản ứng hoá sinh của tế bào là

- A. Tế bào chất.      B. Nhân.      C. Thành tế bào.      D. Màng tế bào.

**Câu 4.** Bào quan duy nhất của tế bào nhân sơ là

- A. Ribosome 80S      B. Ribosome 70S      C. Plasmid.      D. Nhân

**Câu 5.** Cấu trúc nào sau đây chỉ có ở tế bào thực vật ?

- A. Thành tế bào, lục lạp.      B. Trung thể, lysosome.  
C. Ti thể, peroxisome      D. Bộ máy Golgi

**Câu 6.** Cấu trúc nào sau đây chỉ có ở tế bào động vật ?

- A. Thành tế bào, lục lạp.      B. Trung thể, lysosome.  
C. Ti thể, peroxisome      D. Bộ máy Golgi.

**Câu 7.** Nhân tế bào chứa chủ yếu là chất nhiễm sắc gồm

- A. DNA + protein      B. lipid + protein      C. RNA + protein      D. carbohydrate + protein.

**Câu 8.** Trung tâm điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào nhân thực là?

- A. Vùng nhân.      B. Ribosome.      C. Màng sinh chất.      D. Nhân tế bào.

**Câu 9.** Lưới nội chất hạt khác lưới nội chất trơn ở điểm nào?

- A. Có chứa phospholipid.      B. Có đính ribosome.      C. Có chứa protein.      D. Có chứa DNA.

**Câu 10.** Chức năng của lưới nội chất hạt là

- A. Tổng hợp các loại lipid cấu tạo nên màng sinh chất.      B. Tổng hợp các loại protein nội bào và protein tiết.  
C. Chuyên hóa đường và khử độc cho tế bào.      D. Lắp ráp, đóng gói và phân phối các sản phẩm của tế bào.

**Câu 11.** Vận chuyển thụ động là phương thức vận chuyển các chất từ nơi có

- A. nồng độ thấp đến nơi có nồng độ cao, không tốn năng lượng.
- B. nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp, không tốn năng lượng.
- C. nồng độ thấp đến nơi có nồng độ cao, tiêu tốn năng lượng.
- D. nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp, tiêu tốn năng lượng..

**Câu 12.** Có hai con đường vận chuyển thụ động các chất qua màng là

- A. qua lớp phospholipid và kênh glycoprotein.
- B. qua lớp phospholipid và cầu sinh chất.
- C. qua lớp phospholipid và các môi nối.
- D. qua lớp phospholipid và kênh protein.

**Câu 13:** Nước được vận chuyển qua màng tế bào nhờ

- A. Sự biến dạng của màng tế bào
- B. Bơm protein và tiêu tốn ATP
- C. Sự khuếch tán của các ion qua màng
- D. Kênh protein đặc biệt là “aquaporin”

**Câu 14:** Các chất tan trong lipid được vận chuyển vào trong tế bào qua

- A. kênh protein đặc biệt
- B. các lỗ trên màng
- C. lớp kép phospholipid
- D. kênh protein xuyên màng

**Câu 15:** Chất O<sub>2</sub>, CO<sub>2</sub> đi qua màng tế bào bằng phương thức

- A. Khuếch tán qua lớp kép photpholipid
- B. Nhờ sự biến dạng của màng tế bào
- C. Nhờ kênh protein đặc biệt
- D. Vận chuyển chủ động

**Câu 16:** Nhập bào là phương thức vận chuyển qua màng tế bào đối với

- A. Chất có kích thước nhỏ và mang điện.
- B. Chất có kích thước nhỏ và phân cực.
- C. Chất có kích thước nhỏ và không tan trong nước.
- D. Chất có kích thước lớn.

**Câu 17:** Kiểu vận chuyển các chất qua màng tế bào từ nơi có nồng độ chất tan thấp đến nơi có nồng độ chất tan cao là phương thức

- A. vận chuyển chủ động
- B. vận chuyển thụ động
- C. biến dạng màng để vận chuyển
- D. thẩm thấu

**Câu 18:** Hiện tượng thẩm thấu là:

- A. Sự khuếch tán của các chất qua màng.
- B. Sự khuếch tán của các ion qua màng.
- C. Sự khuếch tán của các phân tử nước qua màng.
- D. Sự khuếch tán của chất tan qua màng.

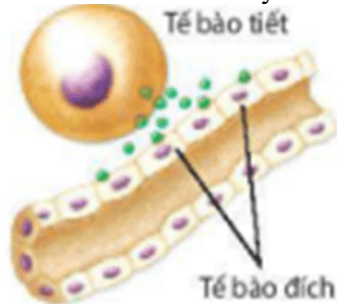
**Câu 19:** Môi trường đẳng trương là môi trường có nồng độ chất tan

- A. Cao hơn nồng độ chất tan trong tế bào
- B. Bằng với nồng độ chất tan trong tế bào
- C. Thấp hơn nồng độ chất tan trong tế bào
- D. Luôn ổn định

**Câu 20:** Truyền tin tế bào là

- A. sự phát tán và nhận các phân tử tín hiệu qua lại giữa các tế bào.
- B. sự phát tán và nhận các phân tử hormone qua lại giữa các tế bào.
- C. sự phát tán và nhận các phân tử tín hiệu của não bộ và tùy sống.
- D. sự phát tán và nhận các phân tử hormone của não bộ và tùy sống.

**Câu 21:** Hình dưới đây mô tả cách truyền tin nào?



- A. Truyền tin trực tiếp.
- B. Truyền tin cận tiết.
- C. Truyền tin nội tiết.
- D. Truyền tin qua synapse.

**Câu 22:** Các thụ thể tiếp nhận tín hiệu nằm ở đâu trong tế bào?

- A. trên màng thylakoid.
- B. trên màng tế bào hoặc trong tế bào chất.
- C. thành tế bào.
- D. nhân.

**Câu 23.** Hydrogen peroxid (H<sub>2</sub>O<sub>2</sub>), còn gọi là oxy già, là một loại chất thường dùng trong sát trùng y tế. Trong tế bào, nếu H<sub>2</sub>O<sub>2</sub> tích lũy nhiều sẽ gây độc cho tế bào. Peroxisome có enzyme nào sau đây có thể oxy hóa chất này?

- A. Urease.
- B. Protease.
- C. Catalase.
- D. Amylase.

**Câu 24.** Thành phần chính của màng sinh chất gồm

- A. lớp kép phospholipid + protein.
- B. lớp kép protein + phospholipid.
- C. lớp kép phospholipid + cellulose.
- D. lớp kép cellulose + protein.

**Câu 25.** Sở dĩ ti thể có khả năng tự nhân đôi và tự tổng hợp protein là vì trong chất nền ti thể có chứa

- A. carbohydrate, hormone, enzyme.
- B. DNA, enzyme, hormone.
- C. DNA, ribosome, enzyme.
- D. carbohydrate, DNA, enzyme.

**Câu 26.** Gọi ti thể là “nhà máy năng lượng” của tế bào vì ti thể có chức năng?

- A. Thực hiện “lên men” kĩ khí, tổng hợp năng lượng ATP.
- B. Thực hiện “dịch mã”, tổng hợp protein tích lũy năng lượng.
- C. Thực hiện “hô hấp tế bào” tổng hợp năng lượng ATP.

**D.** Thực hiện “quang hợp” hấp thụ và chuyển hóa năng lượng ánh sáng.

**Câu 27.** Khung xương tế bào có những chức năng nào sau đây?

1. Nối neo đầu của các bào quan và enzyme.
2. Làm giá đỡ cơ học, giúp duy trì hình dạng tế bào.
3. Tổng hợp protein và enzyme cho tế bào.
4. Tham gia vào sự vận động của tế bào.

**A.** 2, 3, 4.                      **B.** 1, 3, 4.                      **C.** 1, 2, 4.                      **D.** 1, 2, 3.

**Câu 28.** Các chất được vận chuyển thụ động qua kênh protein thường là các chất

1. phân cực
2. tan trong lipid, không phân cực.
3. không tan trong lipid.
4. các ion

**A.** 2, 3, 4                      **B.** 1, 3, 4                      **C.** 1, 2, 4                      **D.** 1, 2, 3.

**Câu 29.** Đặc điểm của vận chuyển chủ động là

1. Không tiêu tốn năng lượng ATP.
2. Cần các bơm protein đặc hiệu trên màng
3. Tiêu tốn năng lượng ATP.
4. Vận chuyển ngược dốc nồng độ

**A.** 1, 2, 4.                      **B.** 2, 3, 4                      **C.** 1, 3, 4.                      **D.** 1, 2, 3

**Câu 30.** Tế bào nhân thực có ở những loại sinh vật nào sau đây?

- |              |           |              |              |
|--------------|-----------|--------------|--------------|
| (1) Động vật | (2) Người | (3) Thực vật | (4) Vi khuẩn |
| (5) Virut    | (6) Nấm   | (7) Amip     | (8) Địa y    |

**A.** (1),(2),(3),(4),(6),(8)

**B.** (1),(2),(3),(6),(8)

**C.** (1),(2),(3),(6),(7),(8)

**D.** (1),(2),(3),(5),(6),(7)

**PHẦN II. Câu hỏi đúng/ sai.** Trong mỗi ý (1) (2) (3) (4) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1:** Khi ngâm mơ với đường sau một thời gian thì quả mơ teo lại, có vị ngọt và chua, đồng thời nước mơ cũng có vị ngọt và chua. Giải thích nào sau đây là đúng (Đ), sai (S)?

- (1) Khi ngâm mơ với đường, nồng độ chất tan bên ngoài cao hơn trong quả mơ nên nước trong mơ thẩm thấu ra ngoài, còn dung dịch đi vào nên mơ có vị ngọt và teo lại do mất nước.
- (2) Khi ngâm mơ với đường, nồng độ chất tan bên ngoài thấp hơn trong quả mơ nên nước trong mơ thẩm thấu ra ngoài.
- (3) Khi ngâm mơ với đường, nồng độ chất tan bên ngoài thấp hơn trong quả mơ nên nước trong mơ thẩm thấu ra ngoài, còn dung dịch đi vào nên mơ có vị ngọt và teo lại do mất nước.
- (4) Khi ngâm mơ với đường, nồng độ chất tan bên ngoài cao hơn trong quả mơ nên nước trong mơ khuếch tán ra ngoài, còn dung dịch đi vào nên mơ có vị ngọt và teo lại do mất nước.

**Đáp án :**

**Câu 2:** Khi nói về quá trình trao đổi chất qua màng tế bào, nhận định nào sau đây là đúng (Đ), sai (S)?

- (1) Sự hấp thụ nước ở tế bào lông hút của rễ theo cơ chế khuếch tán
- (2) Sự vận chuyển oxygen từ phế nang (phổi) vào máu thực hiện theo cơ chế khuếch tán
- (3) Sự tái hấp thụ glucose ở tế bào quản cầu thận thực hiện theo cơ chế vận chuyển chủ động
- (4) Các chất dinh dưỡng ở ruột non được vận chuyển qua màng tế bào vào máu bằng cách biến dạng màng sinh chất.

**Đáp án :**

**Câu 3:** Để giải thích cho hiện tượng cây bị héo và chết khi bón phân với nồng độ đậm đặc, người ta đưa ra các nguyên nhân sau, nguyên nhân nào đúng (Đ), sai (S)?

- (1) Cây hấp thụ quá nhiều nước và dinh dưỡng, sinh trưởng quá hạn mức chịu đựng của cây.
- (2) Bón quá nhiều phân làm xấu cấu trúc đất, giết chết hệ vi sinh vật có lợi, gây độc cho cây.
- (3) Nồng độ chất tan trong đất tăng quá cao, cây vừa mất nước vừa không thể hấp thụ nước.
- (4) Nồng độ chất tan của dung dịch đất tăng quá cao làm lông hút ở rễ bị chết hàng loạt

**Đáp án :**

**Câu 4:** Người ta tiến hành thí nghiệm lấy nhân của tế bào sinh dưỡng ở loài ếch A đưa vào trứng (đã bị lấy mất nhân) của loài ếch B. Nuôi cấy trứng cấy nhân trong môi trường đặc biệt thì trứng phát triển thành ếch con. Nhận định sau đây về đặc điểm của ếch con là đúng (Đ), sai (S)?

- |   |   |
|---|---|
| (1) mang đặc điểm của loài A              | (3) mang đặc điểm của loài B            |
| (2) mang đặc điểm của cả loài A và loài B | (4) mang đặc điểm khác cả 2 loài A và B |

**Đáp án :**

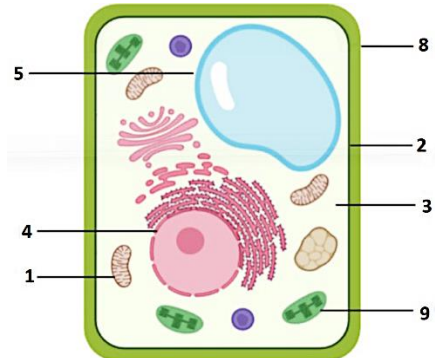
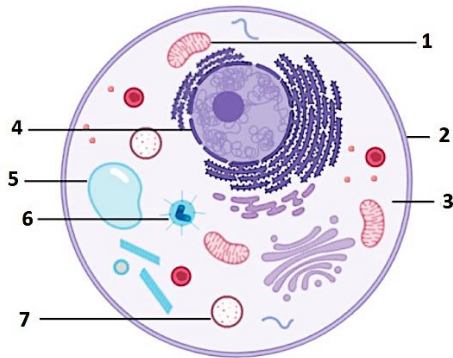
**Câu 5:** Cho các nhận định sau về cấu tạo, đặc điểm sinh trưởng của tế bào nhân sơ và vi khuẩn. Nhận định nào là đúng (Đ), sai (S)?

- (1) Biết rằng S là diện tích bề mặt, V là thể tích tế bào. Vi khuẩn có kích thước nhỏ nên tỉ lệ S/V lớn. Điều này giúp cho vi khuẩn có tốc độ trao đổi chất với môi trường nhanh.
- (2) Vi khuẩn là những cơ thể đơn bào, có tốc độ sinh trưởng và sinh sản nhanh.
- (3) Tế bào nhân sơ không có hệ gene di truyền
- (4) Loại vi khuẩn A có kích thước trung bình 1 micromet, loại vi khuẩn B có kích thước trung bình 5 micromet. Theo lý thuyết vi khuẩn loại A có tốc độ sinh trưởng chậm hơn loại B.

**Đáp án :**

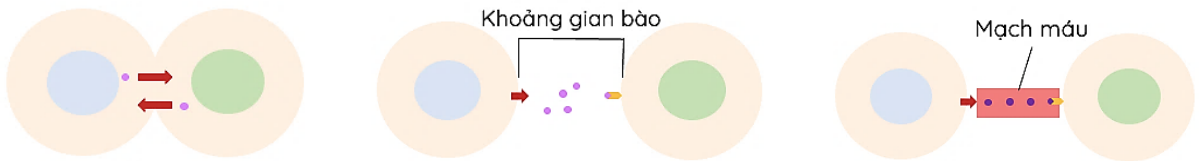
**PHẦN III (Tự luận)**

**Câu 1.** Vẽ sơ đồ tư duy mô tả ngắn gọn cấu trúc và chức năng các thành phần của tế bào nhân sơ  
**Câu 2.** Hãy chú thích các thành phần cấu tạo của tế bào động vật và thực vật trong hình sau



- |        |        |        |
|--------|--------|--------|
| 1..... | 2..... | 3..... |
| 4..... | 5..... | 6..... |
| 7..... | 8..... | 9..... |

**Câu 3:** Điền vào chỗ trống các kiểu truyền tin tương ứng với hình bên dưới.



**Câu 4.** Kể tên các bào quan được mô tả tương ứng với đặc điểm của chúng trong bảng sau theo mẫu.

Bào quan	Đặc điểm
	Là cấu trúc có nhiều nhất trong tế bào cơ.
	Vị trí tổng hợp các tiểu đơn vị của ribosome.
	Là cấu trúc rất phát triển trong tế bào tuyến tụy, tế bào bạch cầu.
	Nơi tổng hợp lipid, carbohydrate .
	Chứa enzyme catalase phân giải H <sub>2</sub> O <sub>2</sub>
	Nơi tiếp nhận tín hiệu từ môi trường bên ngoài.
	Điều khiển các hoạt động sống của tế bào.
	Cấu trúc tham gia vào quá trình phân chia tế bào.
	Là vị trí mà tại đó diễn ra quá trình gắn thêm carbohydrate vào protein hay phospholipid.
	Cấu trúc tham gia vào sự chết theo chương trình của tế bào.

**Câu 5.** Nước sấu ngâm là một loại nước giải khát được ưa chuộng vào mùa nắng nóng. Người ta lấy quả sấu ngâm ngập trong nước đường khoảng 3-4 ngày là có thể dùng được. Sau khi ngâm, tại sao kích thước quả sấu lại teo nhỏ và nước có vị chua ngọt?

**2.3. Đề minh họa**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI  
**TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ**

**ĐỀ THI HK I NĂM HỌC 2024 -2025**

**Môn thi: SINH HỌC 10**

Ngày thi: .../12/2024

Thời gian làm bài: 45 phút

**ĐỀ MINH HỌA**

**Mã đề: 001**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (18 CÂU – 4,5 điểm)**

**Câu 1.** Thành peptidoglycan có ở loại tế bào nào dưới đây

- |             |             |
|-------------|-------------|
| A. Nấm      | B. Thực vật |
| C. Vi khuẩn | D. động vật |

**Câu 2.** Người ta dựa vào cấu trúc nào để chia vi khuẩn thành hai loại Gr<sup>+</sup> và Gr<sup>-</sup> ?

- |                 |                 |               |                  |
|-----------------|-----------------|---------------|------------------|
| A. Màng tế bào. | B. Tế bào chất. | C. Vùng nhân. | D. Thành tế bào. |
|-----------------|-----------------|---------------|------------------|

- Câu 3.** Cấu trúc nào sau đây chỉ có ở tế bào động vật ?  
 A. Thành tế bào, lục lạp. B. Trung thể, lysosome.  
 C. Ti thể, peroxisome D. Bộ máy Golgi.
- Câu 4.** Ribosome trong tế bào có thành phần hóa học gồm  
 A. rRNA + protein B. lipid + protein  
 C. RNA + protein D. carbohydrate + protein.
- Câu 5.** Trung tâm điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào nhân thực là?  
 A. Vùng nhân. B. Ribosome. C. Màng sinh chất. D. Nhân tế bào.
- Câu 6.** Lưới nội chất hạt giống với lưới nội chất trơn ở điểm nào?  
 A. Có chứa phospholipid. B. Có đính các ribosome.  
 C. Có chứa RNA D. Có chứa DNA.
- Câu 7.** Vận chuyển thụ động là phương thức vận chuyển các chất từ nơi có  
 A. nồng độ thấp đến nơi có nồng độ cao, không tốn năng lượng.  
 B. nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp, không tốn năng lượng.  
 C. nồng độ thấp đến nơi có nồng độ cao, tiêu tốn năng lượng.  
 D. nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp, tiêu tốn năng lượng..
- Câu 8.** Có hai con đường vận chuyển thụ động các chất qua màng là  
 A. qua lớp phospholipid và kênh glycoprotein. B. qua lớp phospholipid và cầu sinh chất.  
 C. qua lớp phospholipid và các mối nối. D. qua lớp phospholipid và kênh protein.
- Câu 9.** Gọi là tế bào nhân thực vì  
 A. có hệ thống nội màng. B. có vật chất di truyền là DNA.  
 C. có kích thước lớn D. có màng nhân bao bọc vật chất di truyền.
- Câu 10.** Tế bào vi khuẩn được gọi là tế bào nhân sơ, vì nguyên nhân nào sau đây?  
 A. Tế bào vi khuẩn xuất hiện rất sớm. B. Tế bào vi khuẩn có cấu trúc đơn bào.  
 C. Tế bào vi khuẩn có cấu tạo rất đơn giản. D. Tế bào vi khuẩn chưa có màng nhân.
- Câu 11.** Sở dĩ ti thể có khả năng tự nhân đôi và tự tổng hợp protein là vì trong chất nền ti thể có chứa  
 A. carbohydrate, hormone, enzyme. B. DNA, enzyme, hormone.  
 C. DNA, ribosome, enzyme. D. carbohydrate, DNA, enzyme.
- Câu 12.** Gọi lục lạp là “nhà máy sản xuất đường bột” của tế bào vì lục lạp có chức năng?  
 A. Thực hiện “lên men” kị khí, tổng hợp năng lượng ATP.  
 B. Thực hiện “dịch mã”, tổng hợp protein tích lũy năng lượng.  
 C. Thực hiện “hô hấp tế bào” tổng hợp năng lượng ATP.  
 D. Thực hiện “quang hợp” hấp thụ và chuyển hóa năng lượng ánh sáng.
- Câu 13.** Các chất thường được vận chuyển thụ động theo hình thức khuếch tán tăng cường là  
 A. các chất khí và các phân tử ưa nước. B. các chất khí và các phân tử kị nước.  
 C. các phân tử ưa nước và các ion. D. các phân tử kị nước và các ion.
- Câu 14.** Thành phần nào của tế bào có vai trò tiếp nhận phân tử tín hiệu?  
 A. Thụ thể. B. Màng tế bào. C. Tế bào chất D. Nhân tế bào.
- Câu 15.** Đặc điểm của vận chuyển thụ động các chất qua màng tế bào là  
 1. Không tiêu tốn năng lượng ATP. 2. Cần các bơm protein đặc hiệu trên màng  
 3. Tiêu tốn năng lượng ATP. 4. Vận chuyển xuôi dốc nồng độ  
 5. Vận chuyển ngược dốc nồng độ  
 A. 2, 3. B. 1, 4 C. 3, 4. D. 3, 5
- Câu 16.** Những đặc điểm nào sau đây có ở tất cả các loại vi khuẩn?  
 1. Kích thước nhỏ bé. 2. Sống ký sinh và gây bệnh. 3. Cơ thể chỉ có 1 tế bào.  
 4. Có nhân hoàn chỉnh. 5. Sinh sản rất nhanh.  
 A. 1, 2, 3. B. 2, 3, 5. C. 1, 3, 5. D. 2, 4, 5.
- Câu 17.** Chỉ ra các sinh vật nào sau đây là sinh vật đơn bào?  
 (1) Cá xương (2) Người (3) Thực vật (4) Vi khuẩn (5) Trùng roi xanh  
 (6) Nấm rơm (7) Trùng biến hình (amip) (8) Vi khuẩn lam  
 A. (1),(2),(3),(4) B. (1),(2),(3),(6)  
 C. (4),(5),(7),(8) D. (1),(2),(5),(6)
- Câu 18.** Hiện tượng nào sau đây là ví dụ của cơ chế vận chuyển thụ động?  
 A. Khi nhai cơm lâu sẽ cảm thấy ngọt. B. Sự tái hấp thụ glucose ở ống thận trả về máu  
 C. Oxygen đi từ mao mạch máu đến tế bào. D. Tim co bóp bơm máu đi khắp cơ thể.
- PHẦN II. Câu hỏi đúng/ sai. (4 điểm)** Trong mỗi ý (1) (2) (3) (4) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.  
**Câu 1:** Khi ở trong môi trường ưu trương, tế bào bị co nguyên sinh vì các lý do sau, lý do nào là đúng (Đ), sai (S)?  
 (1) Chất tan khuếch tán từ tế bào ra môi trường  
 (2) Chất tan khuếch tán từ môi trường vào tế bào

- (3) Nước thẩm thấu từ môi trường vào tế bào
- (4) Nước thẩm thấu từ tế bào ra môi trường

**Đáp án :**

**Câu 2:** Cho các nhận định sau về việc vận chuyển các chất qua màng tế bào. Nhận định nào là đúng (Đ), sai (S)?

- (1) O<sub>2</sub>, CO<sub>2</sub> khuếch tán vào trong tế bào qua lớp kép phospholipid
- (2) Các phân tử nước thẩm thấu vào trong tế bào nhờ kênh protein đặc biệt là “aquaporin”
- (3) Các ion Na<sup>+</sup>, Ca<sup>2+</sup> vào trong tế bào bằng cách biến dạng của màng sinh chất
- (4) Glucose có thể được vận chuyển chủ động vào trong tế bào nhờ kênh protein xuyên màng

**Đáp án :**

**Câu 3:** Khi cho tế bào hồng cầu vào nước cất, sau một thời gian mô tả hiện tượng xảy ra. Mô tả nào là đúng (Đ), sai (S)?

- (1) Tế bào hồng cầu không thay đổi kích thước
- (2) Tế bào hồng cầu to ra và bị vỡ
- (3) Tế bào hồng cầu nhỏ đi
- (4) Tế bào hồng cầu lúc đầu to ra, lúc sau nhỏ lại

**Đáp án :**

**Câu 4:** Cho các nhận định sau về phương thức vận chuyển các chất qua màng tế bào. Nhận định nào là đúng (Đ), sai (S)?

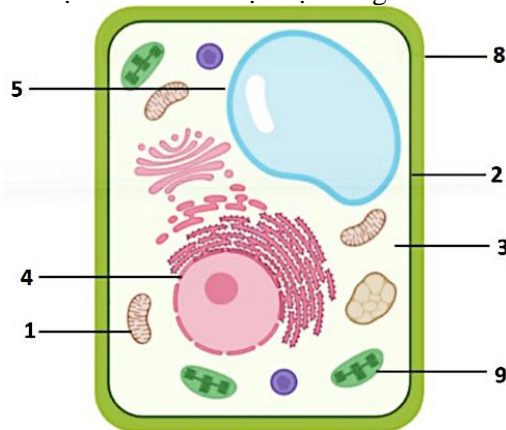
- (1) Sự vận chuyển các chất qua màng tế bào chủ yếu nhờ phương thức vận chuyển thụ động
- (2) Xuất bào và nhập bào là kiểu vận chuyển các chất thông qua sự biến dạng của màng sinh chất
- (3) Vận chuyển thụ động là phương thức vận chuyển các chất không tiêu tốn năng lượng
- (4) Vận chuyển chủ động là phương thức vận chuyển cần năng lượng để vận chuyển các chất từ nơi có nồng độ thấp đến nơi có nồng độ cao.

**Đáp án :**

**PHẦN III: TỰ LUẬN (3 CÂU – 1,5 điểm)**

**Câu 1:** Chỉ ra điểm giống, khác nhau về cấu trúc và chức năng của ti thể và lục lạp?

**Câu 2:** Hãy chú thích các thành phần cấu tạo của tế bào thực vật trong hình sau



- |        |        |        |
|--------|--------|--------|
| 1..... | 2..... | 3..... |
| 4..... | 5..... | 8..... |
| 9..... |        |        |

**Câu 3:** Tại sao khi dùng nước muối sinh lý (NaCl 0,09%) để súc miệng thì có thể sát khuẩn họng, giảm nguy cơ viêm họng?

Hoàng Mai, ngày 5 tháng 12 năm 2024  
TỔ (NHÓM) TRƯỞNG